

Số: 390/2019/QĐST-HNGĐ

Bình Chánh, ngày 02 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 330/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

– Bà **Nguyễn Thị Hồng L**, sinh năm 1983; địa chỉ: Số D4/565A ấp X, xã Y, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

– Ông **Cao Thanh T**, sinh năm 1981; địa chỉ: Số A1/1/3 ấp M, xã Y, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Cao Thanh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 đăng ký ngày 27 tháng 02 năm 2018. Do đó, hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp.

[2] Ngày 19 tháng 4 năm 2019, bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Cao Thanh T nộp đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

– Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Cao Thanh T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn 10 đăng ký ngày 27 tháng 02 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Cao Thanh T không còn giá trị pháp lý.

– Về con chung:

Hai bên thỏa thuận giao trẻ Cao Thiên T1, sinh ngày 14/11/2007 (Giới tính: Nữ) cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

Hằng tháng, vào ngày 10 dương lịch, ông Cao Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); bắt đầu thực hiện từ ngày 10 tháng 5 năm 2019 cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng tại cơ quan chỉ cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Cao Thanh T chậm thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Cao Thanh T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

– Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Cao Thanh T chịu lệ

phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0015475 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L và ông T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. B;
- UBND X. Y, H. B, TP. HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Tuấn Khương